TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. P** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 21/01/2019

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Nguyễn Thị Hồng Lam- Ông Lê Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *Thành phố P tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Hồng Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1985, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn C, xã Th, thành phố P. Chỗ ở hiện nay: thôn Th, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh K, sinh năm: 1984, trú: thôn C, xã Th, thành phố P , tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị T kết hôn với ông Lê Thanh K trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số x5 quyển số 01/2006 ngày 11/12/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Thành Hải, thành phố P.

Bà Trần Thị T - nguyên đơn- trình bày:

Vợ chồng bà sống hạnh phúc cho đến năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên do ông K ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm chăm sóc gia đình. Bà đã rất nhiều lần khuyên can nhưng ông K không nghe. Thực tế bà vừa phải làm việc nuôi sống gia đình vừa phải trả các khỏan nợ nần do cờ bạc của ông Thắng. Vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay.

Do không còn tình cảm yêu thương chồng nên bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vào ngày 03/8/2018, yêu cầu xin ly hôn ông K, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung tên Lê Thanh Th, sinh ngày 22/10/2005 và Lê Trần Thanh T, sinh ngày: 03/9/2012. Bà không yêu cầu ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Thanh K- bị đơn trình bày:

Ông xác nhận vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vợ ông đã không còn sống chung với ông kể từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Ông còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Do không đồng ý ly hôn nên ông không chấp nhận giành quyền nuôi con hay giao con cho bà Tnuôi.Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại giấy xác nhận ngày 27.8.2018, bà T trình bày vợ chồng không hạnh phúc, gia đình có mâu thuẫn do ông K nghiện cờ bạc được Ban quản lý thôn C và Uỷ ban nhân dân xã Th xác nhận

Ông Lê Thanh K vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố P đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định cuả pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cuả nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị T và Lê Thanh K có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số x5 quyển số 01/2006 ngày 11/12/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Th, thành phố P. Đây là hôn nhân hợp pháp.Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nhưng thay đổi về phần yêu cầu nuôi con: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Thanh T, ông K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh Th, sinh ngày 22/10/2005, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng ông K vắng mặt, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông K hoàn toàn hợp lệ.

[2]Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ các lý do chính đáng khác. Bà Trần Thị T và ông Lê Thanh K có mâu thuẫn do ông K nghiện cờ bạc, sự việc được UBND nơi đương sự cư trú xác nhận, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai.Vì vậy căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tâm.

[3] Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Tđược trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Thanh T, ông K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh Th là chính đáng và phù hợp với mong muốn của cháu Th, không trái với quy định cuả pháp luật, do cháu Lê Trần Thanh T ở với mẹ, cháu Th ở với cha từ khi vợ chồng ly thân, hiện cuộc sống của các cháu đã ổn định, nên chấp nhận. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà T và ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, "trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu", do đó bà Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 56, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị T được ly hôn ông Lê Thanh K.

Về quan hệ con chung:

Bà Trần Thị T có quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Thanh T, sinh ngày: 03/9/2012. Ông Lê Thanh K có quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh Th, sinh ngày 22/10/2005. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ai lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của họ.

Về án phí:

Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017351 ngày 03/8/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P. Bà Tđã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Th;
- Chi cục THADS TPPRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Lưu HS+ án.

(GCNKH số x5 quyển số 01/2006 ngày 11/12/2006)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ninh Thị Kiều Hạnh